

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CTCP CHỨNG KHOÁN NH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ngày 13/06/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **196/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 20/06/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **CTS**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam trong thời gian qua.

Tên gọi: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Tên Tiếng anh: Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: **VietinbankSc**

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04. 6278 0012 Fax: 04. 3974 1760

Website: www.vietinbanksc.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 01/07/2009 và giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 12/08/2016

Vốn điều lệ: 904.237.570.000 đồng (*Chín trăm lẻ bốn tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*)

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 2000
 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ 55 tỷ đồng
 - Thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm 2004
 - Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, 300 tỷ đồng và 500 tỷ đồng
- Năm 2008
 - Cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 01/07/2009 với vốn điều lệ 789.934.000.000 đồng
 - Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: CTS

- Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Năm 2010
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty lần đầu lọt vào Top 6 công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường
- Năm 2011
- Top 10 về thị phần môi giới trên HNX
 - Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
 - Top 5 các công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011
- Năm 2013
- Đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HOSE Quý III/2013.
- Năm 2014
- Đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức tăng 227,7% so với năm 2013.
 - Tăng vốn điều lệ lên 837.303.380.000 đồng
 - Vượt lên vị trí số 1 thị phần môi giới sàn giao dịch UPCoM
 - Giải thưởng “Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu” do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn.
- Năm 2015
- Danh hiệu Công ty đóng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của TTCK Việt Nam do UBCKNN trao tặng.
 - Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
 - Tăng vốn điều lệ lên 904.237.570.000 đồng.
 - Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên HNX năm 2016.
- Năm 2016
- Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2016.
 - Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà Nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2015.

1. Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty:

Đơn vị: nghìn đồng

Thời gian	Vốn ĐL trước phát hành	Vốn ĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
10/201	789.934.00	837.303.38	Trả cổ	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015

5	0	0	tức bằng cổ phiếu	<p>số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 20/04/2015</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 5799/UBCK-QLKD ngày 14/09/2015 của UBCKNN về hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 của Công ty - Công văn số 463/CV-CKCT07 ngày 09/10/2015 của VietinBankSc về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 của Công ty - Giấy phép điều chỉnh hoạt động số 50/GPĐC-UBCK ngày 30/10/2015 do UBCKNN cấp
08/2016	837.303.380	904.237.570	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 29/04/2016 - Công văn số 33499/UBCK-QLKD ngày 17/06/2016 của UBCKNN về hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 của Công ty - Công văn số 288/CV-CKCT07 ngày 25/07/2016 của VietinBankSc về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 của Công ty - Giấy phép điều chỉnh hoạt động số 29/GPĐC-UBCK ngày 12/08/2016 do UBCKNN cấp

2. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Môi giới chứng khoán; Hoạt động tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký và quản lý cổ đông.

3. Cơ cấu tổ chức:

- Công ty mẹ

- Tên Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Điện thoại: (04) 3942 1030 Fax: (04) 3942 1032

- Vốn điều lệ: 37.234.046.000.000 đồng

- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước; Cho vay và đầu tư, tài trợ thương mại, bảo lãnh và tái bảo lãnh; Kinh doanh ngoại hối, tiền gửi, thanh toán, chuyển tiền, phát hành và thanh toán thẻ tín dụng trong nước và quốc tế, séc du lịch; Kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm và cho thuê tài chính; Những dịch vụ tài chính - ngân hàng khác.

- Tỷ lệ sở hữu tại VietinBankSc: Hiện nay, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đang sở hữu 68.371.111 cổ phần của VietinBankSc tương đương với 75,61% vốn điều lệ của VietinBankSc.

• **Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại: 04. 6278 0012 Fax: 04. 3974 1760

• **Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

- Địa chỉ: Số 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM

- Điện thoại: 08. 3820 9987 Fax: 08. 3820 0921

4. Cơ cấu cổ đông của Công ty

ST T	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
	Cổ đông trong nước	89.410.357	698.966.662.270	98,88%	4.005
1	- Cá nhân	19.533.227	195.332.270	21,60%	3.982
	- Tổ chức	69.877.130	698.771.330.000	77,28%	23
	Cổ đông nước ngoài	976,697	9,766,970,000	1,08%	26
2	- Cá nhân	204.338	2.043.380.000	0,23%	15
	- Tổ chức	772.359	7.723.590.000	0,85%	11
	Cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty	36.703	367.030.000	0,04%	
3	Cổ phiếu quỹ	36.700	367.000.000	0,04%	
	Cổ phiếu Công ty mua lô lẻ	3	30.000	0,00%	

ST T	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Tổng cộng		90.423.757	904.237.570.000	100%	4,031

(Nguồn: Danh sách cổ đông VietinBankSc do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 08/05/2017)

5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm các mảng chính như sau:

- Các dịch vụ trực tuyến dành cho nhà đầu tư;
- Các dịch vụ dành cho doanh nghiệp: Tư vấn Quản trị doanh nghiệp, Tư vấn Hoàn thiện doanh nghiệp, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, Tư vấn khác (Niêm yết, Cổ phần hóa, Đăng ký công ty đại chúng, v.v...).

6. Doanh thu, chi phí của Công ty qua các năm

Doanh thu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% tăng/ giảm năm 2016/201 5	Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	11.165	4,80%	36.444	15,59%	226,41%	11.165	18,73%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	15.157	6,51%	36.520	15,63%	140,94%	12.163	20,40%
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	55.236	23,72%	59.816	25,59%	8,29%	6.051	10,15%
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	40.376	17,34%	39.858	17,05%	(1,28)%	8.640	14,49%
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	24.615	10,57%	13.438	5,75%	(45,41)%	398	0,67%

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% tăng/ giảm năm 2016/2015	Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.776	3,77%	22.821	9,76%	160,04%	6.000	10,06%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	77.085	33,11%	24.407	10,44%	(68,34)%	15.140	25,39%
- Thu nhập hoạt động khác	426	0,18%	407	0,17%	(4,46)%	67	0,11%
Doanh thu hoạt động	232.836	100,00 %	233.711	100,00 %	0,38%	59.624	100,00 %

Chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% tăng/ giảm năm 2016/2015	Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí hoạt động kinh doanh	103.178	73,95%	82.189	61,43%	(20,34)%	11.784	51,58%
- Chi phí hoạt động tự doanh	1.818	1,30%	2.377	1,78%	30,75%	659	2,88%
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22.820	16,36%	25.790	19,28%	13,01%	6.001	26,27%
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	6.657	4,77%	1.368	1,02%	(79,45)%	-	-
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.900	6,38%	17.359	12,97%	95,04%	3.464	15,16%

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% tăng/ giảm năm 2016/2015	Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	61.581	44,14%	10.704	8,00%	(82,62)%	1.788	7,83%
- Chi phí khác	1.815	1,30%	1.826	1,36%	0,61%	454	1,99%
- Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	1.087	0,78%	4.902	3,66%	350,97%	1	0,00%
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	(1.500)	(1,08)%	17.863	13,35%	-	(583)	(2,55)%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.319	26,03%	37.713	28,19%	3,84%	8.759	38,34%
Chi phí nhân viên	25.427	18,22%	24.574	18,37%	(3,35)%	6.052	26,49%
Chi phí văn phòng phẩm	639	0,46%	634	0,47%	(0,78)%	129	0,56%
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.279	0,92%	1.469	1,10%	14,86%	90	0,39%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.634	1,89%	3.106	2,32%	17,92%	820	3,59%
Chi phí thuế, phí và lệ phí	917	0,66%	939	0,70%	2,40%	169	0,74%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.854	3,48%	4.145	3,10%	(14,61)%	799	3,50%
Chi phí khác	569	0,41%	2.846	2,13%	400,18%	700	3,06%
Chi phí tài chính	-	0,00%	13.894	10,38%	-	2.303	10,08%

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% tăng/ giảm năm 2016/2015	Quý I/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí lãi vay	-	-	13.665	10,21%	-	2.303	10,08%
Chi phí tài chính khác	-	-	229	0,17%	-	-	-
Chi phí khác	21	0,02%	3	0,002%	(85,71)%	-	-
Tổng cộng chi phí hoạt động	139.518	100,00%	133.799	100,00%	(4,10)%	22.846	100,00%

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của VietinBankSc)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm 2016/2015	Quý I năm 2017
Tổng giá trị tài sản	1.047.177	1.420.648	35,66%	1.243.769
Vốn chủ sở hữu	995.074	1.069.743	7,50%	1.100.582
Doanh thu hoạt động	232.836	233.711	0,38%	59.624
Chi phí hoạt động	103.178	82.189	(20,34)%	11.784
Doanh thu hoạt động tài chính	1.793	2.214	23,48%	991
Chi phí tài chính	-	13.894	-	2.303
Thu nhập khác	17	116	582,35%	254
Chi phí khác	21	3	(85,71)%	-
Thuế và các khoản phải nộp	7.652	9.152		
Lợi nhuận trước thuế	95.130	102.242	7,48%	38.024

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm 2016/2015	Quý I năm 2017
Lợi nhuận sau thuế	76.871	83.181	8,21%	30.840
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	8%	8,06%	-	-
Chỉ tiêu an toàn tài chính	396%	416%		463%
Tỷ lệ cổ tức	8%	8%	-	

(Nguồn: BCTC năm 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của VietinBankSc)

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành :

Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và hoạt động tại Thị trường chứng khoán Việt Nam, VietinBankSc đã đạt được những vị thế nhất định trong ngành chứng khoán – tài chính sau hơn 16 năm hoạt động và phát triển.

Về quy mô hoạt động, VietinBankSc là một trong 20 công ty có vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trên thị trường hiện nay. Năm 2016, VietinBankSc là một trong 10 công ty chứng khoán niêm yết có doanh thu lớn nhất thị trường.

Về năng lực hoạt động, là công ty chứng khoán đa năng được cấp phép hoạt động trên tất cả các mảng nghiệp vụ, VietinBankSc phát triển đồng đều và toàn diện trên các nghiệp vụ, từ môi giới, tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán đến tư vấn tài chính doanh nghiệp, tự doanh và bảo lãnh phát hành.

Trong thời gian gần đây, với sự nở rộ của các công ty chứng khoán, hoạt động của VietinBankSc gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty trên thị trường. Điều này phần nào ảnh hưởng tới vị thế và thị phần của VietinBankSc. Trong tương lai, khi thị trường chứng khoán dần đi vào ổn định và phát triển bền vững, với năng lực về tài chính, nhân sự, minh bạch trong quản trị và linh hoạt trong điều hành, VietinBankSc sẽ phát huy được các tiềm năng hiện có và vươn lên chiếm lĩnh vị thế mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
----------	----------	----------

	Kế hoạch (đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Tổng doanh thu	271.813.000.00		285.500.000.00	
<i>Trong đó:</i>	0	16,25%	0	5,04%
- <i>DT, TN từ hoạt động đầu tư CK, góp vốn (tự doanh)</i>	101.497.000.00	15,15%	107.000.000.00	5,42%
- <i>Lãi từ các khoản cho vay và phải thu</i>	55.800.000.000	15,15%	60.000.000.000	7,53%
- <i>DT từ nghiệp vụ môi giới</i>	43.766.000.000	15,15%	46.000.000.000	5,10%
- <i>DT nghiệp vụ lưu ký</i>	20.250.000.000	15,15%	23.000.000.000	13,58%
- <i>DT hoạt động TVTC, đại lý phát hành, BLPH</i>	43.563.000.000	15,15%	45.000.000.000	3,30%
- <i>DT hoạt động khác</i>	953.000.000	15,15%	1.500.000.000	57,40%
- <i>DT hoạt động tài chính</i>	5.984.000.000	15,15%	3.000.000.000	(49,87)%
Tổng chi phí				
<i>(Chi phí hoạt động kinh doanh + Chi phí Quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)</i>	139.932.000.00	16,70%	147.000.000.00	5,05%
Lợi nhuận trước thuế	131.880.000.00	29,13%	138.500.000.00	5,02%
Lợi nhuận sau thuế	105.504.000.00	26,84%	110.800.000.00	5,02%
Tỷ lệ LNST/Tổng doanh thu (%)	38,81%	-	38,81%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	10,80%	-	11,35%	-
Cổ tức (%)	8% đến 10%	-	8% đến 10%	-

(Nguồn: Số liệu kế hoạch năm 2017 đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông VietinBankSc số 01/NQ-ĐHDCĐ-CKCT ngày 27/04/2017)

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	2,47	3,87
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	2,47	3,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,25	0,35
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,05	0,33
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	lần	0,95	0,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,21	0,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	32,76	35,23
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,00	8,06
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,24	6,74
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	40,55	43,29
5. Chỉ tiêu về Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	Triệu đồng	837.303	904.238
- Tổng tài sản	Triệu đồng	1.047.177	1.420.648
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	396	416

(Nguồn: Tính toán từ BCTC đã được kiểm toán năm 2016 của VietinBankSc)

11. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua việc trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8%.